

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và
thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Chứng thực
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3152/QĐ-BTP ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 120/TTr-STP ngày 06 tháng 11 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 12 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và 01 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp theo Quyết định số 3152/QĐ-BTP ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Điều 2. Sở Tư pháp chịu trách nhiệm rà soát, chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng dự thảo, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường; Chủ tịch Ủy ban

nhân dân xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Bưu điện tỉnh;
- VNPT tỉnh;
- Lưu: VT, NC, PVHCC. /

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

DANH MỤC 12 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ 01 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC VỰC CHỨNG THỰC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2551 /QĐ-UBND ngày 10/11/ 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (12 TTHC)
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG CHUNG (05 TTHC)

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 3152/QĐ-BTP ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp									
1	Cấp bản sao từ sổ gốc 2.000908.000.00.00.H21	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực là ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Thời hạn được tính từ ngày cơ quan, tổ chức nhận đủ hồ sơ hợp lệ trực tiếp, theo dấu bưu điện đến hoặc theo thời điểm hệ thống dịch vụ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: + 127 Hai Bà Trưng, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai. + 69 Hùng Vương, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai - Trực tuyến: qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn	x	Một phần	- Trình tự thực hiện; - Cách thức thực hiện; - Thành phần, số lượng hồ sơ; - Thời hạn giải quyết; - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính; - Căn cứ pháp lý.	Không	- Nghị định số 280/2025/NĐ-CP ngày 27/10/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	-

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
		công ghi nhận đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ.							
2	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận 2.000815.000.00.00.H21	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó	Trung tâm Phục vụ hành chính công/ Bộ phận Một cửa cấp xã; Tổ chức hành nghề công chứng; Cơ quan đại diện.	x	Một phần	- Trình tự thực hiện; - Căn cứ pháp lý.	+ Tại Ủy ban nhân dân cấp xã, Tổ chức hành nghề công chứng: 2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính; + Tại cơ quan đại diện: 10 USD/bản. <i>(Được thực hiện thanh toán “Tại thời điểm nộp hồ sơ/trong quá trình giải</i>	- Nghị định số 280/2025/NĐ-CP ngày 27/10/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;	-

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
		kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian					<i>quyết/tại thời điểm nhận kết quả")</i>	- Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
		(giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.							
3	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được) 2.000884.000.00.00.H21	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực là ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo thỏa thuận thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người	Trung tâm Phục vụ hành chính công/ Bộ phận Một cửa cấp xã, Tổ chức hành nghề công chứng, Cơ quan đại diện hoặc ngoài trụ sở của cơ quan thực hiện chứng thực nếu người yêu cầu chứng thực thuộc diện già yếu, không thể đi lại được, đang bị tạm giữ, tạm giam, thi hành án phạt tù hoặc có lý do chính đáng khác.	x	Một phần	- Trình tự thực hiện; - Thành phần hồ sơ; - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính; - Căn cứ pháp lý.	+ Tại Ủy ban nhân dân cấp xã, Tổ chức hành nghề công chứng: 10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản). + Tại cơ quan đại diện: 10 USD/bản. (Được thực hiện thanh toán “Tại thời điểm nộp hồ sơ/trong quá trình giải quyết/tại thời	- Nghị định số 280/2025/NĐ-CP ngày 27/10/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;	-

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
		yêu cầu chứng thực.					<i>điểm nhận kết quả</i>)	- Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	
4	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức hành nghề công chứng 2.000992.000.00.00.H21	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực là ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo thỏa thuận thì người tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công/ Bộ phận Một cửa cấp xã, tổ chức hành nghề công chứng.	x	Một phần	- Trình tự thực hiện; - Cách thức thực hiện; - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính; - Căn cứ pháp lý.	Phí: 10.000 đồng/trường hợp. (Được thực hiện thanh toán “Tại thời điểm nộp hồ sơ/trong quá trình giải quyết/tại thời điểm nhận kết quả”)	- Nghị định số 280/2025/NĐ-CP ngày 27/10/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	-

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
		phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.							
5	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức hành nghề công chứng 2.001008.000.00.00.H21	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực là ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo thỏa thuận thì người tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công/ Bộ phận Một cửa cấp xã, tổ chức hành nghề công chứng.	x	Một phần	- Trình tự thực hiện; - Cách thức thực hiện; - Thành phần hồ sơ; - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính; - Căn cứ pháp lý.	Phí: 10.000 đồng/trường hợp. (Được thực hiện thanh toán “Tại thời điểm nộp hồ sơ/trong quá trình giải quyết/tại thời điểm nhận kết quả”)	- Nghị định số 280/2025/NĐ-CP ngày 27/10/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	-

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
		phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.							
Tổng cộng: 05 TTHC									

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (07 TTHC)

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 3152/QĐ-BTP ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp									
1	Chứng thực giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở 2.001035.000.00.00.H21	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có	Trung tâm Phục vụ hành chính công/ Bộ phận Một cửa cấp xã	x	Một phần	- Trình tự thực hiện; - Cách thức thực hiện; - Thành phần, số lượng hồ sơ; - Căn cứ pháp lý.	Phí: 50.000 đồng/giao dịch. (Được thực hiện thanh toán “Tại thời điểm nộp hồ sơ/trong quá trình giải quyết/tại thời	- Nghị định số 280/2025/NĐ-CP ngày 27/10/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020	-

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
		phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.					<i>điểm nhận kết quả</i>)	của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	
2	Chứng thực di chúc 2.001019.000.00.00.H21	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Trung tâm Phục vụ hành chính công/ Bộ phận Một cửa cấp xã	x	Một phần	- Trình tự thực hiện; - Cách thức thực hiện; - Thành phần, số lượng hồ sơ; - Căn cứ pháp lý.	Phí: 50.000 đồng/di chúc. <i>(Được thực hiện thanh toán “Tại thời điểm nộp hồ sơ/trong quá trình giải quyết/tại thời điểm nhận kết quả”)</i>	- Nghị định số 280/2025/NĐ-CP ngày 27/10/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	-

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
3	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản 2.001016.000.00.00.H21	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Trung tâm Phục vụ hành chính công/ Bộ phận Một cửa cấp xã	x	Một phần	- Trình tự thực hiện; - Cách thức thực hiện; - Thành phần, số lượng hồ sơ; - Căn cứ pháp lý.	Phí: 50.000 đồng/văn bản. <i>(Được thực hiện thanh toán “Tại thời điểm nộp hồ sơ/trong quá trình giải quyết/tại thời điểm nhận kết quả”)</i>	- Nghị định số 280/2025/NĐ-CP ngày 27/10/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	-
4	Chứng thực văn bản phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở 2.001406.000.00.00.H21	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời	Trung tâm Phục vụ hành chính công/ Bộ phận Một cửa cấp xã	x	Một phần	- Trình tự thực hiện; - Cách thức thực hiện; - Thành phần, số lượng hồ sơ; - Căn cứ pháp lý.	Phí: 50.000 đồng/văn bản. <i>(Được thực hiện thanh toán “Tại thời điểm nộp hồ sơ/trong quá trình giải quyết/tại thời</i>	- Nghị định số 280/2025/NĐ-CP ngày 27/10/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020	-

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
		gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.					<i>điểm nhận kết quả</i>)	của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	
5	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ giao dịch 2.000913.000.00.00.H21	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực là ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Trung tâm Phục vụ hành chính công/ Bộ phận Một cửa cấp xã	x	Một phần	- Trình tự thực hiện; - Cách thức thực hiện; - Thành phần, số lượng hồ sơ; - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính; - Căn cứ pháp lý.	Phí: 30.000 đồng/giao dịch. (Được thực hiện thanh toán “Tại thời điểm nộp hồ sơ/trong quá trình giải quyết/tại thời điểm nhận kết quả”)	- Nghị định số 280/2025/NĐ-CP ngày 27/10/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	-

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
6	Sửa lỗi sai sót trong giao dịch 2.000927.000.00.00.H21	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực là ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Trung tâm Phục vụ hành chính công/ Bộ phận Một cửa cấp xã	x	Một phần	- Trình tự thực hiện; - Cách thức thực hiện; - Thành phần, số lượng hồ sơ; - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính; - Căn cứ pháp lý.	Phí: 25.000 đồng/giao dịch. <i>(Được thực hiện thanh toán “Tại thời điểm nộp hồ sơ/trong quá trình giải quyết/tại thời điểm nhận kết quả”)</i>	- Nghị định số 280/2025/NĐ-CP ngày 27/10/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	-
7	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực 2.000942.000.00.00.H21	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực là ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết	Trung tâm Phục vụ hành chính công/ Bộ phận Một cửa cấp xã	x	Một phần	- Trình tự thực hiện; - Thành phần, số lượng hồ sơ; - Căn cứ pháp lý.	Phí: 2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản.	- Nghị định số 280/2025/NĐ-CP ngày 27/10/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2025 của Chính phủ;	-

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
		quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo thỏa thuận thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.					Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính. <i>(Được thực hiện thanh toán “Tại thời điểm nộp hồ sơ/trong quá trình giải quyết/tại thời điểm nhận kết quả”)</i>	- Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	
Tổng cộng: 07 TTHC									

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ (01 TTHC)

Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Cấp thực hiện
Thủ tục hành chính bị bãi bỏ theo Quyết định số 3152/QĐ-BTP ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp			
2.001009.000.00.00.H21	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Nghị định số 280/2025/NĐ-CP ngày 27/10/2025 của Chính phủ	Cấp xã
Tổng cộng: 01 TTHC			